

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 6 - 2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đàm Thị Tư

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Bùi Thị Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chúng Minh Dẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Ngọc N, sinh năm 1990; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1990; dân tộc: Tày; nơi cư trú: Đội 1, thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai anh Đỗ Ngọc N trình bày:* Anh và chị Hoàng Thị Y về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị Y về làm dâu và chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình

chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 06 năm và có 02 con chung. Tuy nhiên, từ năm 2013 do anh N vi phạm pháp luật nên giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ động viên lẫn nhau trong cuộc sống hàng ngày. Sau khi anh N đi chấp hành án phạt tù, năm 2014 chị Hoàng Thị Y đã bỏ gia đình nhà chồng về sinh sống tại đội 1, thôn T, xã Đ, huyện B tỉnh Hà Giang, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cố níu kéo duy trì thì cuộc sống chung giữa hai vợ chồng cũng không hạnh phúc, mặt khác giữa hai anh chị về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, nên anh N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh với chị Hoàng Thị Y.

*Về phía bị đơn chị Hoàng Thị Y khai nhận:* Chị và anh Đỗ Ngọc N về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là đúng, sau khi được hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống chị và anh N sống hạnh phúc với nhau được khoảng 07 năm. Từ năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ động viên nhau trong cuộc sống hàng ngày. Khi anh N đi chấp hành án phạt tù, chị Hoàng Thị Y đã bỏ gia đình nhà chồng về sinh sống tại đội 1, thôn T, xã Đ, huyện B tỉnh Hà Giang, anh chị sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Do anh Đỗ Ngọc N có đơn đề nghị giải quyết vụ án ly hôn, chị nhận thấy anh chị về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh N không phải là vợ chồng.

*Về con chung:* Anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y đều khai nhận, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Mai U, sinh ngày 05/03/2008 và cháu Đỗ Thị Yến O, sinh ngày 20/05/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Đỗ Ngọc N tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quan điểm của hai anh chị đều thống nhất thỏa thuận theo nguyện vọng của các cháu, anh Đỗ Ngọc N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Đỗ Thị Mai U và Đỗ Thị Yến O cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Hoàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ chung:* Anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi mở phiên tòa, anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt anh N, chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm về các nội dung đã trình bày có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều tuân thủ đầy đủ theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đều chấp hành và tuân theo đúng quy định pháp luật, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y. Về nuôi con chung, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các cháu Đỗ Thị Mai U, sinh ngày 05/3/2008 và cháu Đỗ Thị Yến O, sinh ngày 20/5/2010 cho anh Đỗ Ngọc N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Hoàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” của anh Đỗ Ngọc N được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác, trên cơ sở lời khai của anh N, chị Y và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị đã chung sống tại thôn V, xã P về tình trạng hôn nhân cho thấy quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và chị Hoàng Thị Y cũng đã bỏ anh Đỗ Ngọc N về sống bố mẹ đẻ tại đội 1, thôn T, xã Đ, huyện B tỉnh Hà Giang từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y.

[4] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Mai U, sinh ngày 05/3/2008 và cháu Đỗ Thị Yến O, sinh ngày 20/5/2010. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và hòa giải về phần con chung anh N, chị Y cùng thống nhất thỏa thuận: Anh Đỗ Ngọc N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Đỗ Thị Mai U và Đỗ Thị Yến O cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung dưới 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và đúng quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận theo các Điều 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Ngọc N và chị Hoàng Thị Y.

2. Về việc nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Đỗ Ngọc N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Đỗ Thị Mai U, sinh ngày 05/3/2008 và cháu Đỗ Thị Yến O, sinh ngày 20/5/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Ngọc N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0003023 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đ, huyện B;
- UBND xã V, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Thị Tư**

